



Phụ lục 1

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Trừ các vị trí đã quy định tại Khoản 7, 8 Phụ lục 6 Quyết định này)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
A	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG				
1	Đường Hai Bà Trưng	1	Toàn tuyến		32.000
2	Đường Đồng Khởi	1	Toàn tuyến		25.000
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		4.000
3	Đường 3 tháng 2	1	Toàn tuyến		26.000
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Toàn tuyến		21.000
	Hẻm 33	1	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm nhánh 33/3	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 45	1	Suốt hẻm		3.000
5	Đường Đào Duy Từ	1	Toàn tuyến		12.000
6	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	21.500
		1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	16.500
	Hẻm 36	1	Suốt hẻm		2.500
7	Đường Phan Chu Trinh	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	22.000
		2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	16.000
		3	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	10.000
	Hẻm 124	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 124/5	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 124/8	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 59	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 109	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 119A	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 97A	1	Suốt hẻm		1.300
Hẻm 118	1	Suốt hẻm		4.000	
8	Đường Hàm Nghi	1	Toàn tuyến		22.000
9	Đường Hoàng Diệu	1	Toàn tuyến		25.000
10	Đường Nguyễn Hùng Phước	1	Toàn tuyến		22.000
11	Đường Ngô Quyền	1	Toàn tuyến		15.000
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Toàn tuyến		13.000
13	Đường Nguyễn Văn Cừ	1	Toàn tuyến		10.000
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 49	1	Suốt hẻm		2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
14	Đường Trần Minh Phú	1	Toàn tuyến		16.000
15	Đường Nguyễn Huệ	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	22.000
		2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		4	Đường Nguyễn Du	Đường Phan Đình Phùng	10.000
		3	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	11.000
		5	Đường Phan Đình Phùng	Hết đất chùa Đại Giác	7.500
		6	Giáp đất chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	5.000
	Hẻm 155 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 53 (P1)	1	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 79 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 103 (P1)	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 31 (P1)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 365 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 381A (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 381B (P9)	1	Đường Nguyễn Huệ	Hẻm 381A đường Nguyễn Huệ	1.000
	Hẻm 433 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 467 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 471 (P9)	1	Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp đường Mạc Đĩnh Chi	1.000
	Hẻm 510 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 524 (P9)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 542 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 598 (P9)	1	Suốt hẻm		750
16	Đường Nguyễn Du	1	Toàn tuyến		11.000
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 13	1	Suốt hẻm		2.000
17	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1	Toàn tuyến		6.000
	Hẻm 5, 129, 22, 44	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 89, 113	1	Suốt hẻm		1.700
18	Đường Lê Lợi	1	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng đài trung tâm	15.000
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		2.500
	Đường Hùng Vương	1	Cổng chính Hồ Nước Ngọt (đường Dã Tượng)	Đường Trần Quốc Toàn (hộ ông Trần Hoàng Dũng - thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10)	15.000
	Hẻm 28	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 2 đường Huỳnh Phan Hộ	2.500
	Hẻm 28/11	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 28/25	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
19	Hẻm 63	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.500
	Hẻm nhánh 63/5	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 63/8	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 63/19	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 93	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 63 đường Hùng Vương	2.500
	Hẻm 93/24	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 3	1	Đường Hùng Vương	Giáp Hẻm 42 Yết Kiêu	2.500
	Hẻm nhánh 3/4	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 7	1	Đường Hùng Vương	Điện Biên Phủ	2.500
	Hẻm nhánh 7/15	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 7/72	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 7/80	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 101, 121, 149	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.000
	Hẻm 121/11	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 129	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 135	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 159	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.500
	Đường Vành Đai	1	Đường Hùng Vương	Hết thửa đất 472, tờ bản đồ số 31 Quách Tông Lộc	2.500
20	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1	Đường Lê Lợi	Đường 30/4 - Cổng Bộ đội Biên phòng	21.500
	Hẻm 93	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 76	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm nhánh 76/2	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 76/11	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 48	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 145 (P6)	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giáp Hẻm 81 Ngô Gia Tự	2.500
21	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		2	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	11.000
	Hẻm 58	1	Suốt hẻm		3.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
22	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	18.000
		2	Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	7.000
		3	Đường Lê Duẩn	Chợ Sung Đình	5.000
		2	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	7.000
	Hẻm 176 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 168 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 306B, 730 (P4)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 310 (P4)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 292, 336, 346, 368, 376, 414, 440, 468, 510, 526, 534, 558 (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 680, 960 (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 636, 666, 672, 843 (lộ đal K6) (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Đường dân sinh cặp chân cầu qua sông Masperro (đoạn từ đường Đồng Khởi đến đường Lê Duẩn)	1	Đầu ranh thửa đất số 43 - tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 221, tờ bản đồ số 20 và hết thửa đất 01, tờ bản đồ số 01	2.500
	Đường Trần Hưng Đạo	1	Đường 30 tháng 4	Đường Phú Lợi	15.000
		2	Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	9.000
		3	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Tỉnh lộ 934 (An Dương Vương) - nút giao thông Trà Tim	5.500
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 62, 118, 132, 140 (P2)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 45, 51 (P3)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 55 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 85 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 151 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 155 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 185 (P3)	1	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 293, 303, 345, 695	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 357	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 405 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 449 (P3)	1	Suốt hẻm		2.200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Hẻm 543, 505 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 567	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất 33, tờ bản đồ số 55	2.000
		2	Đầu ranh thửa đất số 44, tờ bản đồ số 55	Giáp đường Vành Đai II (đoạn 2)	2.000
	Hẻm 231, 607 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 623, 647 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 777 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 248 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 582, tờ bản đồ số 9 Lương Mạnh Duy	1.000
	Hẻm 266 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Hẻm 1143 đường Quốc lộ 1A	1.000
	Hẻm 280 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 54, tờ bản đồ số 11 Thị Quen	1.000
	Hẻm 308 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 1138, tờ bản đồ số 11 Thạch Phương	1.000
	Hẻm 344 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 174, tờ bản đồ số 11 Trần Quốc Hùng	1.000
	Hẻm 368 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 266, tờ bản đồ số 11 Huỳnh Thị Muôn	1.000
	Hẻm 897 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 897/39 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 897/42 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 929 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 957 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 534, tờ bản đồ số 12 Trần Thiện Tâm	1.000
	Hẻm 1005 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 205, tờ bản đồ số 12	1.000
	Hẻm 1017 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 478, tờ bản đồ số 12 Lý Nang	1.000
	Hẻm 1085 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1107 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1159 (P10)	1	Suốt hẻm		600
		1	Giáp Quốc lộ 1A (P7)	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	2.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
24	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	Giáp ranh Phường 10	2.000
		3	Giáp ranh Phường 10	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên	1.500
25	Đường Lê Hồng Phong	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	11.000
		2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	9.000
		3	Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	5.500
	Hẻm 12, 44	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 90 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 197 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 33 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 145, 167, 183, 282, 354, 357, 495, 507, 575	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 495 nối dài	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 430	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 341	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 326 (P3)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 508, 604 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 475 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 585 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 332 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 318	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 462, 585	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 448 (P3)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 639, 673	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 655 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 719	1	Giáp đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1.000
		2	Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Giáp đường 30/4	600
	Đường Phú Lợi	1	Toàn tuyến		12.000
	Hẻm 263, 244, 155, 333	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 73	1	Đường Phú Lợi	Cuối Hẻm (giáp đất bà Lâm Thị Mười)	2.000
		2	Đường Phú Lợi	Hết đất Lương Thanh Hải (thửa số 226, tờ bản đồ số 44)	2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
26	Hẻm 73/26	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 73/50	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 73/56	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 73/66	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 188	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 29	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 99	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 10, 293	1	Suốt hẻm		2.000
27	Đường Lê Duẩn	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	11.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	8.300
		3	Đường 30 tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	8.500
		4	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	7.000
		5	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	4.500
	Hẻm 13 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 24 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 697, 550 (P4)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 546 (P4)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 759 (P4)	1	Suốt hẻm		1.800
	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	1	Đầu thừa đất số 45, tờ bản đồ số 20	Hết thừa đất số 446, tờ bản đồ số 20	3.000
		1	Đầu thừa đất số 12, tờ bản đồ số 21	Hết thừa đất số 58, tờ bản đồ số 01	3.000
	Quốc Lộ 1 A	1	Giáp ranh huyện Châu Thành	Trần Quốc Toàn (tính từ ranh Hẻm 298 bên Phường 7)	7.000
		2	Trần Quốc Toàn (tính từ ranh Hẻm 298 bên Phường 7)	Cổng Trắng	5.800
		3	Cổng Trắng	Ngã ba Trà Tim	4.000
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 383 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 484 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 410 (P2)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 417, 448, 901 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 448/1	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/4	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/18	1	Suốt hẻm		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
28	Hẻm nhánh 448/24	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/29	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 416 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 548 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 689 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 437 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04 của ông Dương Văn Thâm và toàn khu dân cư 437	1.500
		1	Toàn khu dân cư 437		1.500
	Hẻm nhánh 437/18 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/30 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/50 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/45 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 854 (P2)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 908 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 792 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1.000
		1	Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1.000
	Hẻm 506 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 215 (P6)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 367 (P6)	1	Quốc Lộ 1	Đường Điện Biên Phủ	1.000
	Hẻm nhánh 367/9 (P6)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 1 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 3 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 3/39 (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 121 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Kênh 30/4	800
	Hẻm 54 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu	600
	Hẻm nhánh 54/1 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 54/8 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 170 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Cuối hẻm	1.500
	Hẻm nhánh 170/43 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 170/54 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 222 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu	800
	Hẻm nhánh 222/9 (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 222/7A (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 238 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 298 (P7)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 334 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1142 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 124, tờ bản đồ số 11	1.000
	Hẻm 1143 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 53, tờ bản đồ số 11 Danh Mười	1.000
	Hẻm nhánh 1143/27 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1161 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Chùa Trà Tim	1.000
	Hẻm nhánh 1161/13 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 1161/14 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1180 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên	1.000
	Hẻm nhánh 1180/22 (P10)	1	Hẻm 1180 (P10)	Kênh Chùa Cũ	800
	Hẻm 1185 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 2082, tờ bản đồ số 11 Võ Văn Hoa	1.000
	Hẻm nhánh 1185/5 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 1185/16 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1194 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hẻm 1180 (P10)	1.000
	Hẻm nhánh 1194/22 (P10)	1	Hẻm 1194 (P10)	Giáp tuyến tránh QL 60	800
	Hẻm 1126 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 430, tờ bản đồ số 11 Trần Văn Minh	1.000
	Hẻm nhánh 1126/5 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1225 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 265, tờ bản đồ số 11 Điền Vôn	1.000
	Hẻm nhánh 1225/30 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 962 (P10)		Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất 126 tờ bản đồ số 4	1.000
	Hẻm nhánh 962/29 (P10)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm nhánh 962/33 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1056 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 199, tờ bản đồ số 8 (Dúch Thị Ba)	1.000
	Hẻm nhánh 1056/25 (P10)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 1070 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 67, tờ bản đồ số 8	1.000
	Hẻm nhánh 1070/19 (P10)	1	Suốt hẻm		350

SỐC TRẢ

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 1098	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Giáp thửa đất số 634, tờ bản đồ số 8	1.000
		1	Đầu ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 8	Hết thửa đất số 356, tờ bản đồ số 8	1.000
	Hẻm 882 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 53	1.000
	Hẻm 1132 (Ranh K2 - K3)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 7	1.000
	Hẻm 238	1	Suốt hẻm		800
29	Đường Nguyễn Trường Tộ	1	Đường Sóc Vồ	Nhà hàng Thủy Tiên	700
30	Đường vào Khu văn hóa Tín Ngưỡng tỉnh (P2)	1	Quốc lộ 1A	Khu Văn hóa Tín ngưỡng	1.800
31	Đường 30 tháng 4	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	15.000
		2	Đường Nguyễn Du	Ngã 4 đường Lê Duẩn	9.000
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Cuối đường (đường Bạch Đằng)	3.000
		4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 278 Trương Công Định	2.000
	Hẻm 5, 123 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 109 (P2)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 17	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 101	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 44	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 124, 134, 152, 174, 182, 202, 248 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 164, 290 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 258 (P3)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 144, 320, 448 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 496 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 112 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 120 (P3)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 220 (P3)	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 332 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 625	1	Suốt hẻm		750
32	Đường Hồ Minh Luân	1	Toàn tuyến		12.500
33	Đường Trần Phú	1	Toàn tuyến		4.000
34	Đường Trần Văn Sắc	1	Toàn tuyến		4.000
35	Đường Hồ Hoàng Kiếm	1	Toàn tuyến		4.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
36	Quảng Trường Bạch Đằng	1	Toàn tuyến		6.000
37	Đường Trương Công Định	1	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	7.000
		2	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	6.000
	Hẻm 9, 93, 267, 278 (P2)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm nhánh 278/19	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm nhánh 278/26	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm nhánh 278/46	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 98/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 86/19 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 56/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 46/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 46/12 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 195 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 195/9	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/57	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/71	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/239	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 81 (P2)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 167 (P2)	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 291 (P2)	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 234 (P2)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 156 (P2)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm nhánh 156/3 (P2)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 156, 245 (P2)	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 37 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
38	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Phú Lợi	Đường 30 tháng 4 - Cổng Biên phòng	7.000
	Hẻm 143	1	Suốt hẻm		1.500
39	Đường Trần Bình Trọng	1	Toàn tuyến		5.000
	Hẻm 31, 53, 69	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 9, 59, 81	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm lộ 3	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 39	1	Suốt hẻm		950
	Hẻm 138	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 121	1	Suốt hẻm		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
40	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	5.000
	Hẻm 25	1	Suốt hẻm		1.500
41	Đường Bùi Thị Xuân	1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	4.000
42	Đường Trương Văn Quới	1	Đường Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trung Trực	5.000
43	Đường nhánh Phú Lợi (đường Nhật Lệ)	1	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	5.000
44	Đường Nguyễn Trãi	1	Toàn tuyến		15.000
45	Đường Bạch Đằng	1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	3.200
		2	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 tháng 4	1.700
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 128, 154 (P4)	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 182 (P4)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 248 (P4)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 230 (P4)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 550 (P4)	1	Suốt hẻm		750
46	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	6.000
		2	Đường Yết Kiêu	Cuối đường	4.000
	Hẻm 94	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 102	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.300
	Hẻm 132	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.300
	Hẻm 156	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 218	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 42 Yết Kiêu	1.300
	Hẻm 294	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1.300
	Hẻm 312	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1.300
	Hẻm 316	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 322	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 330	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 356	1	Suốt hẻm		1.300
	Đường Mạc Đĩnh Chi	1	Đường Đồng Khởi	Ngã 4 đường Lê Duẩn	7.000
		2	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	5.000
	Hẻm 9, 45, 119, 233 (P4)	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 23, 33, 53 (P4)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	1	Suốt hẻm		950
	Hẻm 70 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 80 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 86 (P9)	1	Suốt hẻm		500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
47	Hẻm 94 (P9)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 220	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 218 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 230 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 266 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	800
	Hẻm 456 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Giáp kênh 3/2	800
	Hẻm 548 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ số 20	800
	Hẻm 612 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Giáp kênh 3/2	700
	Hẻm 873	1	Suốt hẻm		400
48	Đường trục hướng Đông Khu hành chính (P4)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	2.000
49	Đường Phan Đình Phùng	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	7.000
		2	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150 Phan Đình Phùng	5.000
	Hẻm 150	1	Suốt hẻm		1.000
50	Đường Vành Đai II (P3)	1	Đường Dương Minh Quan	Hẻm 576 đường Trần Hưng Đạo	2.300
		2	Hẻm 576 đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1.500
	Hẻm 26	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 258	1	Suốt hẻm		450
51	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng	1	Đầu ranh thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 9	2.700
		1	Đầu ranh thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 11	2.700
		1	Đầu ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3	Hết ranh thửa đất số 475, tờ bản đồ số 4	2.700
52	Đường dân sinh cặp chân cầu kênh Xáng	1	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01	Hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01	2.700
53	Đường Kênh 19/5	1	Giáp hẻm 371 (đầu ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 26)	Kênh Thanh niên	600
		2	Kênh Thanh niên	Giáp ranh Phường 7	450
54	Đường Kênh 22/3	1	Giáp đường Lương Định Của	Cuối Kênh	450
55	Đường Kênh Liêu Sơn	1	Giáp đường lộ đá Kênh Cầu Xéo	Giáp kênh 2 tháng 9	600
		1	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Du	9.000



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
56	Đường Mai Thanh Thế	2	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất 251, tờ bản đồ số 4 - hết ranh thửa đất 218, tờ bản đồ số 4	7.500
	Hẻm 1, 12	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 64, 76, 152	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm nhánh 152/33	1	Suốt hẻm		1.000
57	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	6.500
	Hẻm 65, 143, 181	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 15, 27, 43	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 85	1	Suốt hẻm		900
58	Đường Phan Bội Châu	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.500
	Hẻm 22	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 34	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 42	1	Suốt hẻm		1.000
59	Đường Thủ Khoa Huân	1	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 tháng 4	5.500
60	Đường Trần Quang Diệu	1	Toàn tuyến		5.000
61	Đường Nguyễn Văn Thém	1	Toàn tuyến		7.000
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		1.100
62	Đường Ngô Gia Tự	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 đường Dã Tượng	12.000
		2	Đường Lê Lai	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	9.000
	Hẻm 81	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 95	1	Suốt hẻm		2.000
63	Đường Lê Vĩnh Hoà	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	5.000
	Hẻm 2	1	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30 Ông Mã Chạp	800
		2	Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30 Ông Mã Chạp	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29 Trần Thị Cương	600
64	Đường Nguyễn Văn Hữu	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 55	1	Suốt hẻm		1.500
65	Đường Lê Lai	1	Toàn tuyến		7.000
66	Đường Calmette	1	Toàn tuyến		6.500
	Hẻm 33	1	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tưng	1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
67	Đường Yết Kiêu	1	Toàn tuyến		10.000
	Hẻm 42	1	Đường Yết Kiêu	Giáp Hẻm 218 Đường Điện Biên Phủ	1.500
68	Đường Dã Tượng	1	Toàn tuyến		10.000
69	Đường Võ Đình Sâm	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	5.000
	Hẻm 5	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ 29	800
	Hẻm 9	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Giáp đường Trần Văn Hòa	800
70	Đường Đặng Văn Viễn	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	5.000
71	Đường Pasteur	1	Đường Lê Vĩnh Hoà	Hẻm 2, giáp ranh Phường 5	5.000
	Hẻm 50	1	Suốt hẻm		800
72	Đường Bùi Viện	1	Toàn tuyến		5.500
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 10, 17	1	Suốt hẻm		800
73	Đường Nguyễn Chí Thanh	1	Toàn tuyến		12.000
	Hẻm 4	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28 Nguyễn Ngọc Rạng	2.000
	Hẻm 79	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	1.800
74	Đường Trần Văn Hòa	1	Toàn tuyến		5.000
	Hẻm 36, 74	1	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	800
	Hẻm 12	1	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 37	800
75	Đường Bà Triệu	1	Toàn tuyến		5.000
76	Đường Đề Thám	1	Toàn tuyến		9.000
	Hẻm 6	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 6/6	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 6/11	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 23	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm nhánh 23/2	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 23/4	1	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		1.700
77	Đường Sơn Đê	1	Toàn tuyến		6.000
78	Đường Lê Văn Tám	1	Toàn tuyến		2.800
	Hẻm 79	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 68	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		600
79	Đường Lai Văn Tùng	1	Toàn tuyến		6.000
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1.500



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
80	Đường Châu Văn Tiếp	1	Toàn tuyến		5.000
81	Đường Nguyễn Văn Linh	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	7.000
		2	Đường Phú Lợi	Hết ranh thửa đất 28, tờ bản đồ số 6 - Đường 30/4	6.000
	Hẻm 160, 222	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 367	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 468	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 235	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 252	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 364	1	Suốt hẻm		1.100
	Hẻm 282	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 398	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 305	1	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1.000
	Hẻm 104	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 175	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	850
	Hẻm 206	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Giáp Hẻm 244, Phú Lợi	900
	Hẻm 187	1	Suốt hẻm		600
82	Đường Dương Kỳ Hiệp	1	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16m	4.000
		2	Kênh 16m	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1.000
		3	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú	800
	Hẻm 197	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 75	1	Giáp đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	600
83	Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Đông)	1	Từ Hồ Nước Ngọt	Cầu dân sinh - hết ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02	1.500
		2	Cầu dân sinh - giáp ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02	Giáp ranh Phường 7	1.000
84	Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Tây)	1	Từ Hồ nước ngọt	Cầu dân sinh	2.000
		2	Cầu dân sinh	Giáp ranh Phường 7	1.300
	Hẻm 150	1	Suốt hẻm		600
	Đường Dương Minh Quan	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	6.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
85	Hẻm 175, 243	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 220 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 46, 68 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 52 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 31 (P3)	1	Suốt hẻm		400
86	Đường Văn Ngọc Chính	1	Đường Lê Hồng Phong (đầu ranh thửa 75 tờ bản đồ 31)	Hết ranh đất Chùa Mã Tộc	5.500
		2	Giáp ranh đất chùa Mã Tộc	Tà Lách	3.000
		3	Tà Lách	Cầu đúc giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	1.200
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 52	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 99	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 153 (hẻm 135 cũ)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 205	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 271	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 231, 247, 259, 295	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 237	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 185, 221, 267, 327	1	Suốt hẻm		600
87	Đường Đoàn Thị Điểm	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	3.500
	Hẻm 122	1	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	600
		2	Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh thủy lợi giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	750
	Hẻm 179	3	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	600
	Hẻm 152, 194, 204	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 30 nối dài	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 30, 74	1	Suốt hẻm		600
	Đường Sóc Vồ	1	Toàn tuyến		700
88	Hẻm 23, 103	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 171, 113, 97	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 199, 119, 157	1	Suốt hẻm		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
89	Đường Lê Hoàng Chu	1	Cầu kênh Xáng (QL 1A)	Đường Sóc Vồ	1.300
	Hẻm 202	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 294	1	Suốt hẻm		250
90	Đường Nam Kỳ Khởi nghĩa	1	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	3.000
		2	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 18	2.000
		3	Bia tường niệm - Giáp thửa đất số 13 tờ bản đồ số 18	Giáp ranh huyện Châu Thành	1.000
	Hẻm 369 (đ. bãi rác)	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bãi rác	600
	Hẻm 325	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 233	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 233/12A	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 233/4D	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 233/11	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 114A	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 176 (Đường vào Trường CĐ nghề)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 157	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 157/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/17	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/22	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/39	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 91	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND Khóm 5	1.200
	Hẻm 47	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND Khóm 5	400
	Hẻm 60	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm nhánh 60/29	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 70	1	Suốt hẻm		400
91	Đường Trần Văn Bảy	1	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	2.600
	Hẻm 20	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 41	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 80	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 108	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 99, 134	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 163	1	Suốt hẻm		500
	Đường Lý Đạo Thành	1	Toàn tuyến		2.500
92	Hẻm 8	1	Suốt hẻm		400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
93	Đường Huỳnh Phan Hộ	1	Đường Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.500
	Hẻm 2	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm nhánh 2/10	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 2/13	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 36	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm nhánh 36/8	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 64	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Thửa số 114	400
	Hẻm 76	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 110	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 117	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Trà men	400
94	Đường Trần Quốc Toàn	1	Đường Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.800
	Hẻm 46	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 104	1	Đường Trần Quốc Toàn	Rạch Trà men	400
	Hẻm 109	1	Suốt hẻm		400
95	Đường Kênh Hồ Nước Ngọt	1	Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	2.000
	Hẻm 29 (P6)	1	Từ kênh HNN	Kênh 30/4	600
	Hẻm nhánh 29/16 (P6)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 32 (P5)	1	Suốt hẻm		250
96	Đường Phú Tức	1	Đường Quốc Lộ 1A	Dương Kỳ Hiệp	900
	Hẻm 189 (P2)	1	Suốt hẻm		250
97	Đường đal cặp rạch Phú Tức (P2)	1	Đường Phú Tức	Đường Dương Kỳ Hiệp (P2)	600
98	Lộ giao thông Khóm 6, Phường 7 giáp ranh huyện Châu Thành	1	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Dương Kỳ Hiệp	600
99	Đường Võ Thị Sáu	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	5.000
	Hẻm 7	1	Suốt hẻm		900
100	Đường Trần Quang Khải	1	Quốc lộ 1A	Kênh 8m	4.000
	Hẻm 42, 47	1	Suốt hẻm		600
101	Đường Sương Nguyệt Anh	1	Đập thủy lợi Phường 7	Kênh 3 tháng 2 (đường Dương Kỳ Hiệp)	800
	Hẻm 94 (P2)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 83 (P2)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 132 (P2)	1	Suốt hẻm		250
102	Tuyến tránh Quốc lộ 60	1	Trên địa bàn Phường 7		3.000
		2	Trên địa bàn Phường 5		2.000
	Hẻm 192	1	Suốt tuyến		800

SỐC T

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 334	1	Suốt tuyến		500
103	Tỉnh lộ 934 (An Dương Vương)	1	Toàn tuyến		2.000
104	Đường Trương Vĩnh Ký (đường kênh Xáng Xà Lan cũ)	1	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Giáp ranh huyện Châu Thành	800
	Hẻm 135, 137	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 193, 291	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 97	1	Suốt hẻm		250
105	Phan Đăng Lưu (đường kênh Xáng Xà Lan cũ)	1	Đập thủy lợi Phường 7	Giáp ranh huyện Châu Thành - Cầu Thanh niên	800
	Hẻm 34 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 02 (P7)	1	Suốt hẻm		250
106	Đường Triệu Quang Phục (đường Cổng Trắng)	1	Quốc lộ 1A	Lộ nhựa Quân khu IX	1.500
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 911/12	1	Suốt hẻm		400
107	Đường kênh Thị đội	1	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh đường Chông Chác	800
108	Đường Sóc Mỏ côi cũ	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh Phường 5 (đường cùng)	600
109	Đường Bờ Tả sông Saintard	1	Đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	600
110	Đường Lộ Châu Khánh	1	Cuối đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	500
	Đường Tôn Đức Thắng	1	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	15.000
		2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm chùa Phước Nghiêm	9.000
		3	Ranh hẻm Chùa Phước Nghiêm	Hết ranh UBND Phường 5	6.500
		4	Giáp ranh UBND Phường 5	Giáp đường Lương Định Của	4.000
	Hẻm 87	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa số 51, tờ bản đồ 44 Trần Quan Huôi	2.300
	Hẻm 163	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm nhánh 163/2/1	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 189	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 196	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa số 179, tờ bản đồ 45 Hoàng Thiên Nga	2.300
	Hẻm 222	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 222/15/1	1	Suốt hẻm		400